

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỶ NẠI DA TẠP SỰ

QUYỂN 29

4. Nhiếp tụng thứ tư trong Biệt môn thứ sáu (tiếp theo) - Việc Phật từ cung trời xuống:

Phật tại thành Thất-la-phiệt hiện đại thân thông hàng phục ngoại đạo làm cho chúng sanh được lợi ích nên họ đều quy y theo Phật. Tất cả trời người đều hoan hỷ nên có nhiều Bà-la-môn và thợ giỏi từ các thành ấp gần xa đều tụ đến trong thành Thất-la-phiệt để xuất gia theo Phật, quyến thuộc của họ cũng đến để thăm và cũng bỏ tục xuất gia theo. Các Bà-la-môn thấy việc này rồi liền cơ hiềm: “những người thợ này bỏ tục xuất gia, nếu ta có việc cần làm thì ai sẽ làm đây”, các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: “do các thợ giỏi sau khi xuất gia rồi vẫn còn cất giữ đồ nghề trước kia của mình nên mới có lời cơ hiềm này, từ nay các Bí-sô không được cất chứa đồ nghề trước kia của mình, ai cất chứa thì phạm tội Ác tác”. Sau đó có một thầy thuốc sau khi xuất gia du hành đến thành Thất-la-phiệt, lúc đó có cựu trụ Bí-sô bị bệnh nặng yêu cầu vị này trị bệnh, Bí-sô thầy thuốc này nói: “Phật đã chế sau khi xuất gia không được cất chứa đồ nghề trước kia, tôi lấy gì để trị bệnh cho thầy”, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: “từ nay các Bí-sô nào trước đây là thầy thuốc thì được cất giữ y cụ để trị bệnh, nếu là Thợ lại thì được cất giữ bút mực, nếu là thợ cạo tóc thì được cất giữ dao cạo...”.

Duyên xứ như trên, do Phật hiện đại thân thông khiến trời người đều hoan hỷ nên Phật và Tăng được nhiều lợi dưỡng. Để đoạn trừ lỗi về lợi dưỡng nên Phật lên cõi trời Tam thập tam an cư ba tháng và thuyết pháp cho mẹ cùng chư thiên khác trong điện Ngọc thạch, gần cây Viên sanh. Lúc đó tôn giả Đại Mục-kiền-liên đang ở trong rừng Thệ đa, bốn chúng không thấy Thế tôn liền đến chỗ tôn giả đảnh lễ rồi ngồi một bên, tôn giả tùy cơ thuyết pháp khiến cho họ được lợi hỷ rồi im lặng. Bốn chúng chấp tay cung kính bạch rằng: “Đại đức có biết đại sư đang

an cư ở đâu không?”, đáp: “Phật đã lên cõi trời Tam thập tam an cư ba tháng và thuyết pháp cho mẹ cùng chư thiên khác trong điện Ngọc thạch, gần cây Viên sanh”, sau khi nghe pháp xong và biết được Thế tôn đang an cư ở đâu, bốn húng hoan hỉ đánh lễ tôn giả rồi ra về. Sau mùa an cư, bốn chúng lại đến chỗ tôn giả rồi ngồi một bên, sau khi nghe thuyết pháp xong, họ chấp tay bạch tôn giả: “Đại đức, chúng con đã lâu không được gặp Phật nên rất khao khát muốn gặp. Lành thay xin Đại đức không từ khó nhọc vì chúng con đến gặp Thế tôn, cho chúng con gửi lời thăm hỏi Thế tôn trong ba tháng an cư có được khinh an không, chúng con trong châu Thiệm bộ mong muốn được gặp Thế tôn vì xa cách đã lâu. Chúng con không có thần thông, không thể lên cõi trời Tam thập tam để thân cận cúng dường Thế tôn, nhưng chư thiên cõi ấy có thể đến được cõi này, xin Thế tôn thương xót chúng con”, tôn giả im lặng nhận lời, bốn chúng biết tôn giả đã nhận lời liền đánh lễ rồi ra về. Sau khi bốn chúng đã đi khỏi, tôn giả liền nhập Thăng định, nhanh như tráng sĩ co duỗi cánh tay, tôn giả ẩn thân nơi cõi này và hiện thân trên cõi trời Tam thập tam. Trông thấy Thế tôn đang thuyết diệu pháp cho vô lượng chư thiên vây quanh trong điện Ngọc thạch, tôn giả bất giác mỉm cười suy nghĩ: “Thế tôn lên đây, chư thiên vây quanh cũng giống như đại chúng ở châu Thiệm bộ”. Lúc đó Thế tôn biết tâm niệm của tôn giả liền nói: “này Mục liên, đại chúng ở đây không phải tự đến mà là do oai lực của ta nên mới đến”, tôn giả đến đánh lễ Phật rồi ngồi một bên, quán sát khắp đại chúng rồi bạch Phật: “Thế tôn, con nghĩ đại chúng này rất đặc biệt, họ tập họp nơi đây đều là do đời trước đối với Tam bảo và Thánh giới thanh tịnh đã thành tựu lòng tin kiên cố bất hoại, ở cõi kia sau khi chết sanh lên cõi này”, Phật nói: “đúng vậy, đại chúng này do đời trước đối với Tam bảo và Thánh giới thanh tịnh đã thành tựu lòng tin kiên cố bất hoại, ở cõi kia sau khi chết sanh lên cõi này”. Vua trời Đế Thích nghe Phật và tôn giả nói như thế rồi liền ở trước Phật nói với Mục liên: “quả thật như vậy, đại chúng này do đời trước đối với Tam bảo và Thánh giới thanh tịnh đã thành tựu lòng tin kiên cố bất hoại, ở cõi kia sau khi chết sanh lên cõi này”, các thiên tử cũng lần lượt đứng dậy trích bày vai hữu chấp tay cung kính bạch Phật: “Thế tôn, do đời trước con đối với Tam bảo và Thánh giới thanh tịnh đã thành tựu lòng tin kiên cố bất hoại, ở cõi kia sau khi chết sanh lên cõi này”, vô lượng chư thiên này ở trước Phật tự thân chứng quả Dự lưu đánh lễ Phật rồi biến mất. Lúc đó tôn giả Đại Mục-kiền-liên đứng dậy trích bày vai hữu chấp tay bạch Phật: “Thế tôn, bốn chúng ở châu Thiệm bộ đến chỗ

con chí thành bạch rằng: “Đại đức, chúng con đã lâu không được gặp Phật nên rất khao khát muốn gặp. Lành thay xin Đại đức không từ khó nhọc vì chúng con đến gặp Thế tôn, cho chúng con gửi lời thăm hỏi Thế tôn trong ba tháng an cư có được khinh an không, chúng con trong châu Thiệm bộ mong muốn được gặp Thế tôn vì xa cách đã lâu. Chúng con không có thần thông, không thể lên cõi trời Tam thập tam để thân cận cúng dường Thế tôn, nhưng chư thiên cõi ấy có thể đến được cõi này, xin Thế tôn thương xót chúng con trở xuống châu Thiệm bộ” Phật nói: “thầy hãy trở về châu Thiệm bộ nói với bốn chúng sau bảy ngày Phật sẽ từ cõi trời trở xuống châu Thiệm bộ, tại thành Tăng yết xa trong đồng hoang thanh tịnh bên cây Ô đàm bạt la”, tôn giả nghe Phật dạy rồi đánh lễ Phật, nhập định, nhanh như trắng sấm co duỗi cánh tay ẩn thân nơi cõi trời, hiện thân nơi châu Thiệm bộ nói cho bốn chúng biết tin trên. Bốn chúng nghe biết rồi liền đem hương hoa đến thành Tăng yết xa, dân chúng trong thành này nghe biết tin cũng lo quét dọn sạch sẽ các đường phố, rưới nước thơm, treo cờ phướn... và đặt một tòa cao ở nơi tốt nhất để chờ đón Như lai. Lúc đó trên cõi trời, Phật tùy cơ thuyết pháp cho chư thiên ở cõi trời Tam thập tam được lợi hỷ rồi liền biến mất nơi đó, hiện thân đến cõi trời Dạ ma thuyết pháp cho chư thiên ở đó rồi lại biến mất, sáu đó hiện thân đến cõi trời Đổ-sử-đa thuyết pháp cho chư thiên ở đó... lần lượt đến khắp các cõi trời như vậy cho đến cõi trời Sắc cứu cánh thuật pháp khiến cho họ được lợi hỷ xong rồi quay trở lại cho đến cõi trời Tam thập tam. Lúc đó vua trời Đế Thích bạch Phật: “Thế tôn muốn đến châu Thiệm bộ phải không?”, đáp là muốn đến, lại hỏi: “Thế tôn dùng thân thông hay đi bộ?”, đáp là đi bộ. Vua trời Đế Thích liền ra lệnh cho thợ giỏi trên trời làm ba loại cầu thang bằng vàng ròng, lưu ly và pha lê; khi làm xong Phật đi cầu thang bằng lưu ly ở giữa; Đại phạm thiên vương, chủ cõi Ta bà đi cầu thang bằng vàng bên phải, tay cầm phất trắng vi diệu trị giá trăm ngàn lượng vàng, cùng chư thiên cõi Sắc làm tùy tùng theo tiến đưa Phật; vua trời Đế Thích đi cầu thang bằng pha lê bên trái, tay cầm lọng báu trị giá trăm ngàn lượng vàng che phía trên Phật, cùng chư thiên cõi Dục làm tùy tùng theo tiến đưa Phật. Lúc đó Phật suy nghĩ: “nếu ta chỉ đi bộ thì sợ ngoại đạo sẽ chê bai là Sa môn Kiền-đáp-ma dùng thân thông lên cõi trời Tam thập tam, do thấy cảnh sắc vi diệu sanh tâm tham ái nên mất hết thần thông phải đi bộ trở về; nếu dùng thân thông chỉ uống công thợ trời đã nhọc mệt làm cầu thang. Ta nên vừa dùng thân thông vừa đi bộ trở về châu Thiệm bộ”, khi Phật từ trên cầu thang đi xuống khoảng chừng mười hai Du thiện na thì hơi

người xông lên hôi thối như tử thi khiến chư thiên không thể ngủ nổi. Phật biết điều này nên hoa ra rừng Ngưu đầu chiên đàn tỏa hương thơm ngát khiến cho chư thiên đều hoan hỉ, Phật lại suy nghĩ: “nếu người nam ở châu Thiệm bộ thấy thiên nữ hay người nữ ở châu Thiệm bộ thấy thiên nam ắt sẽ sanh ái nhiễm, do tâm dục hừng thạnh họ có thể học máu mà chết. Ta nên dùng thần lực làm cho người nam chỉ thấy thiên nam, người nữ chỉ thấy thiên nữ để tâm họ không bị ái nhiễm quấy nhiễu”. Lúc đó cụ thọ Tu-bồ-đề nhập định dưới gốc cây biết Phật cùng chư thiên đang từ cõi trời Tam thập tam trở xuống cõi này, liền suy nghĩ: “chư thiên kia theo tiền đưa rồi cũng sẽ từ già để trở lại thiên giới, đại chúng cõi này trong một trăm năm cũng sẽ qua đời hết, Phật sau khi hóa duyên đã mãn cũng sẽ nhập Niết-bàn, những uy nghiêm như thế cũng sẽ bị tiêu diệt. Ở bất cứ nơi đâu Phật cũng đều dạy rằng: chư hành vô thường, thể hằng biến đổi, pháp sanh diệt này thật đáng nhàm lìa. Ta nên sanh nhàm lìa quán năm ấm là vô thường khổ không và vô ngã”, sau khi quán chiếu như vậy, ngay nơi chỗ ngồi tôn giả chứng được quả Dự lưu, được lòng tin bất hoại. Tôn giả liền xuất định cung kính hướng về phía Thế tôn đánh lễ. Lúc đó Bí-sô ni Ôn-bát-la (Liên hoa sắc) suy nghĩ: “Phật từ cõi trời trở xuống châu Thiệm bộ, ta phải làm thế nào để là người lễ bái Phật đầu tiên. Nay đại chúng đã vân tập đông đảo không còn chỗ chen chân, nếu ta đến với hình dáng Bí-sô ni thì họ sẽ xem thường, ta nên đại thần thông”, nghĩ rồi liền hóa thân làm Chuyển luân thánh vương có bảy báu dẫn đầu, cùng chín mươi chín Câu đê binh kỳ theo sau; với ngàn người con vây quanh theo hình bán nguyệt, thân trang nghiêm bằng các loại vật báu; lại có vô lượng ngoại đạo, Sa môn, Phạm chí và trăm ngàn tùy tùng cầm lọng trăm nan che trên đầu của vua, oai quang rực rỡ như vầng nhật nguyệt, để đi đến chỗ Phật. Đại chúng thấy rồi đều tán phục chiêm ngưỡng không chán và suy nghĩ: “ở đâu có vua và binh lính khả ái như vậy, hay là Luân vương đế chủ từ nơi khác đến. Ta làm thế nào để được thọ phước lạc như thế”, nghĩ rồi liền cùng mở đường cho họ tiến vào chỗ Phật.

Lúc đó Bí-sô Ô-đà-di đang ở trong chúng hội liền nói với đại chúng: “đây không phải là Chuyển luân thánh vương mà là Bí-sô ni Liên hoa sắc hiện thần thông đến lễ bái Phật”, đại chúng hỏi làm sao biết được, đáp: “hoa Ôn-bát-la có mùi thơm phảng phất, sắc hoa cũng vượt trội các loài hoa khác, cho nên tôi nhận biết là do vị ấy hiện thần biến”. Khi đến chỗ Phật, Bí-sô ni này thu thần biến đánh lễ Phật rồi đứng một bên. Phật ngồi trên tòa xong liền bảo Liên hoa sắc: “đổi

trước đại sư, Bí-sô ni hiện thân thông là việc không hợp lý”, Phật lại nghĩ: “Bí-sô ni ở trước Phật hiện thân thông có lỗi như thế, ta nên chế ngăn không chp Bí-sô ni hiện thân thông trước đại sư”, nghĩ rồi liền bảo các Bí-sô: “từ nay Bí-sô ni không được hiện thân thông ở trước đại sư, nếu ai làm như thế thì phạm tội Việt pháp”. Lúc đó đại chúng có người thấy Chuyển luân thánh vương có oai lực lớn liền khởi tâm muốn sanh vào cõi người, có người thấy chư thiên oai quang khả ái liền khởi tâm muốn sanh lên cõi trời. Phật quán biết tâm mọi người, muốn ngăn chặn ý nguyện sanh vào cõi trời người của họ nên tùy cơ thuyết pháp khiến cho họ sau khi nghe pháp, có người được Noãn pháp, hoặc được Đảnh pháp, hoặc được Nhẫn pháp; có người được với bột ba độc, lia tham dục, có người được Thế đệ nhất pháp, có người đắc quả Tu đà hoàn, hoặc quả Tư-đà-hàm, hoặc quả A-na-hàm, có người gieo trồng nhân duyên với Thanh văn thừa, có người gieo trồng nhân duyên với Bích chi Phật thừa, có người gieo trồng nhân duyên với Phật thừa. Do nhân duyên này, Thế tôn liền nói kệ:

*“Dù làm vua Chuyển luân,
Hay sanh lên cõi trời,
Tuy đắc được Thắng định,
Không bằng quả Dự lưu”.*

Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: “Thế tôn, vì sao cụ thọ Ô-đà-di nghe mùi hương Ôn-bát-la liền biết ngay chính là vị ni ấy?”, Phật nói: “không phải chỉ ngày nay vừa nghe mùi hương liền biết ngay, mà thời quá khứ cũng vậy. Các thầy lắng nghe:

Quá khứ tại thành Bà-la-nê-tư có một thương chủ cưới vợ chưa bao lâu thì vợ có thai, lúc đó thương chủ muốn vào biển lớn tìm châu báu nên bảo vợ ở nhà hãy khéo dụng tâm, người vợ đòi đi theo, thương chủ nói: “ai sẽ săn sóc cho nàng?”, người vợ khóc lóc đòi theo, các thương nhân thấy vậy hỏi rõ nguyên do rồi nói: “cứ cho cô ấy đi theo, chúng tôi sẽ chăm sóc cho”. Khi thuyền ra biển lớn bị cá Ma kiệt làm vỡ thuyền, thương chủ và mọi người đều chết, người vợ bám vào mảnh ván trôi nổi, gặp gió đưa tạt vào bờ. Có vua Kim sùý điếu ở đó thấy liền đưa cô về làm vợ, không bao lâu sau bào thai trước đó đủ ngày tháng, cô sanh ra một bé trai dung mạo đoan nghiêm; sau đó cô lại sanh thêm một con Kim sùý điếu con, khi chim cha qua đời, bầy chim lập chim con này lên ngôi vua, người mẹ liền bảo con: “con nay đã thừa kế tộc họ cha mà lên ngôi, đây là anh con, con hãy đưa về thành Bà-la-nê-tư lập làm vua giữa mọi người”, người con vâng lời. Lúc đó ở thành Bà-la-nê-tư,

vua Phạm thọ dùng chánh pháp trị nước..., lúc vua đang lâm triều, vua Kim súy điếu bay đến dùng hai chân cấp lấy hai cánh tay của vua mang ra biển ném xuống. Sau đó đem các chuỗi anh lạc trang sức cho anh mình rồi đưa vào trong cung, đặt ngồi trên ngai rồi bảo với mọi người: “đây là vua của các người, các người hãy khéo ém nhẹm việc này, nếu không ta sẽ ném vào trong biển lớn”. Quần thần sợ hãi không dám tiết lộ việc này ra ngoài nên nhân dân đều cho đó là vua Phạm thọ, lúc đó vua bảo Kim súy điếu: “em hãy thường xuyên đến thăm anh nhé”, đáp là sẽ đến. Thời gian sau trong cung có một voi mẹ mang thai, đủ tháng sanh voi con nhưng chỉ ra được phần đầu, phần chân không ra được. Vua nghe tâu liền nói: “hãy bảo các cung nhân phát lời thệ bằng lời nói thật chú nguyện cho voi sanh được con ra. Nên nói rằng: ngoài vua ra, tôi không quan hệ với người nam nào khác. Nếu là lời nói thật thì voi sẽ sanh con ra an ổn”. Khi các cung nhân phát lời thệ này xong, không những voi con không ra được mà voi mẹ càng khổ sở hơn khiến mọi người không biết phải làm sao. Lúc đó có người nữ chăn bò ở gần đó nghe biết việc này liền nói với mọi người: “tôi sẽ phát thệ làm cho voi sanh ra được an ổn”, mọi người nghe rồi liền báo cho đại thần, đại thần tâu vua, vua cho gọi vào cung. Mục nữ liền ở trước voi mẹ nói lời chân thật chú nguyện rằng: “từ khi sanh ra đến nay, trừ chồng tôi ra, tôi không quan hệ với người nam nào khác. Nếu là lời chân thật thì voi con sanh ra được an ổn”, vừa nói xong voi con liền sanh ra được an ổn nhưng vẫn còn dính lại phần đuôi, mục nữ mỉm cười nói: “còn có chút lỗi mà vẫn không ra hết”, nội nhân hỏi lỗi gì, đáp: “trước đây tôi bỗng con trai của người khác, nó tiểu ra chảy xuống chỗ kín của tôi, tôi liền cảm thấy thọ lạc. Do chút lỗi này nên phân đuôi không chịu ra”, khi mục nữ nói thật ra, phần đuôi liền ra hết. Quan đem việc này tâu vua, vua nghe rồi than thở: “cung nhân của ta đều không trinh lương, chỉ riêng có mục nữ là thanh bạch. Hãy gọi mục nữ vào đây”, vua liền hỏi mục nữ: “bà dùng lời nói thật làm cho voi sanh ra được phải không?”, đáp phải, vua suy nghĩ: “nếu mẹ đã hiền thiện thì con chắc cũng thế”, nghĩ rồi liền hỏi: “bà có con gái không?”, đáp là có, lại hỏi tên gì, đáp là Diệu dung, lại hỏi đã gả chưa, đáp là chưa, vua nói: “nếu vậy mẹ hãy gả cho con”, người mẹ chấp thuận, vua liền dùng nghi lễ đón rước Diệu dung vào cung. Lúc đó vua lại suy nghĩ: “cung nhân không trinh thuận, nếu để nàng này ở đây ắt cũng sẽ làm điều phi pháp”, sau đó khi vua Kim súy điếu đến, vua kể lại việc trên rồi nói: “ban ngày em đem vợ anh để ở ở biển, ban đêm đưa đến đây”, vua Kim súy điếu làm theo lời anh đưa

Diệu dung đến bên bờ biển, ở nơi đây có cây hoa tên là Khứ y, hằng ngày Diệu dung kết vòng hoa này để tặng cho vua. Lúc đó trong thành Bà-la-nê-tư có một Bà-la-môn vào trong núi lượm củi khô gặp thần nữ Khẩn-na-la, thần nữ này bắt đưa vào trong động đá cùng giao hợp, khi ra ngoài hái hoa quả thì dùng tảng đá lớn lấp cửa động lại, sức người không thể dời đi được. Thời gian sau thần nữ này sanh được một trai, đưa con trai này có thân hình nhẹ đi nhanh nên được đặt tên là Tốc tạt (nhanh chóng), người cha thường nói với con là thành Bà-la-nê-tư rất đẹp là quê hương của cha, người con hỏi vì sao không về, người cha nói: “mẹ con mỗi khi ra ngoài đều dùng tảng đá lấp kín cửa động, sức người không thể dời đi được”, người con nói là sẽ dời giúp người cha. Sau đó người con thường tập di chuyển đá cho đến khi đủ sức dời được tảng đá lớn rồi bảo người cha cùng chạy trốn, người cha nói: “mẹ con vừa đi hái trái, lát nữa sẽ về ngay, nếu trên đường gặp nhau ắt sẽ hại ta”, người con nói: “con sẽ làm phương tiện khiến mẹ về chậm”. Sau đó khi người mẹ mang trái về, người con cắn rồi lại nhả ra, người mẹ hỏi vì sao, đáp: “mẹ lười đi xa, chỉ hái trái đặng ở gần, con không ăn được nên phải nhả ra”, người mẹ nói: “nếu vậy mai mẹ sẽ đi xa hái trái ngon về”. Sáng hôm sau người mẹ đi xa để hái trái ngon, hai cha con liền dời tảng đá và bỏ chạy trốn về thành Bà-la-nê-tư; khi người mẹ trở về thấy hang động trống trơn liền đấm ngực kêu khóc, láng giềng hỏi rõ nguyên do rồi nói: “họ là loài người ắt là chạy về nhân gian, có gì phải buồn khổ”, người mẹ nói: “tôi không buồn vì biệt ly này mà hận là chưa dạy cho nó nghề kiếm sống”, láng giềng nói: “tôi cũng thường đi đến thành Bà-la-nê-tư, bà muốn đưa vật gì cho nó kiếm sống thì hãy đưa cho tôi, khi gặp con bà tôi sẽ trao cho nó”, người mẹ liền đưa cây đàn Không hầu và nói rằng: “xin hãy đưa vật này tận tay con tôi và bảo nó có thể đàn cây đàn này để kiếm sống nhưng không được đàn sợi dây thứ nhất, nếu chạm đến nó ắt sẽ bị tổn hại”, láng giềng nhận đàn rồi đi. Lúc đó Bà-la-môn kia đưa người con là Tốc tạt đến chỗ thầy dạy học để học, những lúc rảnh rỗi nó vào rừng lượm củi và gặp vị láng giềng kia, sau khi thăm hỏi xong vị láng giềng nói: “mẹ con thương nhớ thường buồn khóc, vì sao con không trở về?”, đáp: “mẹ là Được xoa làm sao chung sống được”, vị láng giềng nói: “nếu con không trở về thì ta đưa cho con cây đàn này để kiếm sống, con không được đưa cho người khác”, khi đưa cây đàn vị láng giềng nói: “khi đàn con không được đàn sợi dây thứ nhất, nếu chạm vào sẽ bị tổn hại”. Tốc tạt vâng lời rồi ôm đàn về chỗ đang học, các bạn thấy ôm đàn liền hỏi có đàn được không, đáp là được, nói rồi

liền đàn nhưng không đàn sợi dây thứ nhất, các bạn hỏi, đáp: “nếu chạm vào sẽ bị tổn hại”, các bạn nói: “chỉ chạm vào thì có hại gì”, Tốc tật liền chạm vào dây thứ nhất, các bạn liền không tự chủ cùng nhau nhảy múa cho đến chiều. Sau đó đến thầy dạy học bảo Tốc tật đàn... giống như trên cho đến câu vừa chạm vào dây thứ nhất thì thầy và vợ thầy đều không tự chủ cùng nhảy múa khiến cho đồ vật trong nhà đổ ngã, thầy dạy học tức giận đuổi đi, Tốc tật bị đuổi lang thang kiếm sống với cái đàn Không hầu. Thời gian sau có năm trăm thương nhân sắp ra biển nói với nhau: “tất cả đã chuẩn bị đầy đủ, chỉ thiếu có âm nhạc, khi ra biển rồi làm sao giải buồn”, một người nói: “có con của Bà-la-môn tên Tốc tật rất giỏi đánh đàn Không hầu, hãy đưa anh ta đi theo”. Khi ra biển mọi người bảo Tốc tật đàn... giống như trên cho đến câu vừa chạm vào dây thứ nhất thì chiếc thuyền nghiêng ngã chìm xuống biển, mọi người đều chết hết, Tốc tật bám vào mảnh ván trôi giạt vào bờ. Tại đây Tốc tật gặp Diệu dung, sau đó cùng Diệu dung tư thông, ban ngày gặt gùi, ban đêm chia tay, Tốc tật hỏi ban đêm đi đâu, Diệu dung kể lại mọi việc cho Tốc tật nghe, Tốc tật nói: “hãy đưa tôi cùng về thành Bà-la-nê-tư”, đáp: “cùng đi cũng tốt”. Sau đó Diệu dung tìm cách mang theo đá nhỏ, dần dần mang đá bằng trọng lượng của người, thấy chở được mới bảo Tốc tật cùng cỡi Kim sếu điểu bay về thành Bà-la-nê-tư. Trên đường đi Diệu dung bảo nhắm mắt lại, khi sắp tới thành, Tốc tật nghe tiếng người nói liền mở mắt ra xem thử, vừa mở ra liền bị mù vì gió thổi quá mạnh, Diệu dung phải để Tốc tật ở trong vườn còn mình đến chỗ vua. Đến mùa xuân trăm hoa đua nở, vua cùng Diệu dung và các cung nhân vào vườn du ngoạn, Tốc tật nghe mùi hương của hoa Khứ y liền nói kệ:

*“Gió thoảng mùi Y hoa,
Hương thơm thật đáng yêu,
Như lúc trên bờ biển,
Cùng sống với Diệu dung”.*

Vua nghe rồi liền bảo nội nhân tìm người đã nói ra kệ ấy, nội nhân đưa người mù đến, vua bảo nói lại bài kệ trên rồi hỏi: “bờ biển ấy cách đây bao xa?”, đáp:

*“Nơi Diệu dung cư trú,
Cách đây khoảng trăm dặm,
Vượt qua khỏi biển lớn,
Có bờ biển thật đẹp”.*

Vua nói kệ:

*“Người đã từng nghe thấy,
Người mà ta yêu thương,
Nếu thật là Diệu dung,
Người hãy nói hình tướng”.*

Người mù nói kệ:

*“Giữa eo có chữ vạn,
Trên ngực có lông xoắn,
Thường kết vòng Y hoa,
Để tặng cho Nhân chủ”.*

Vua nghe rồi suy nghĩ: “nàng ta có hạnh xấu, tuy ở ở hải đảo vẫn cùng người ngoài tư thông, đã là vô dụng thì hãy gả cho người mù này”, nghĩ rồi nói kệ:

*“Cho Diệu dung chuỗi ngọc,
Rồi gả cho người mù,
Cho cùng cõi lìa đi,
Đuổi ra khỏi thành ấp”.*

Bị vua đuổi ra khỏi thành, người mù dẫn vợ đi lang thang khắp nơi mãi đến chiều mới tới một tú lặc, tạm dừng ở trong một miếu hoang thờ trời. Đêm đó có bọn cướp vào tú lặc đánh cướp, người trong tú lặc đã phòng bị trước nên trừ diệt được bọn cướp, tên chúa giặc bỏ chạy vào trong miếu hoang đóng cửa lại. Mọi người chạy đuổi theo đến miếu kêu cửa, người mù ở bên trong đáp: “tôi là khách trú không liên can gì đến tên cướp”, mọi người nói: “nếu có tên cướp trong đó thì hãy đuổi ra”. Lúc đó chúa giặc nói với Diệu dung: “nàng cần gì kẻ mù này, hãy đẩy hẳn ra ngoài rồi cùng sống với ta”, Diệu dung bằng lòng liền đẩy người mù ra cửa, mọi người cho là chúa giặc nên chặt đầu người mù. Sáng hôm sau chúa giặc dẫn Diệu dung ra đi, khi đến bờ sông vì không có thuyền bè nên không qua sông được, chúa giặc nói: “nước sông dâng cao không thể cùng qua được, nàng hãy ở trong nước tắm rửa, ta mang chuỗi ngọc quý của nàng qua bên bờ kia trước, sau đó trở qua đưa nàng sang”, Diệu dung liền cởi chuỗi ngọc quý đưa cho chúa giặc rồi ở trong nước tắm, sau đó lại suy nghĩ: “hay là hẳn mang chuỗi ngọc của ta bỏ đi mất”, nghĩ rồi liền nói kệ:

*“Nước sông đang dâng cao,
Chàng mang chuỗi ngọc đi,
Em liền có ý nghĩ,
Chàng sẽ mang đi luôn”.*

Chúa giặc nói kệ:

*“Nàng hại chết người chồng vô tội,
Ai tin nàng thật tâm với ta,
Chuỗi ngọc quý này ta mang đi,
Sợ nàng được dịp sẽ hại ta”.*

Nói rồi chúa giặc mang chuỗi ngọc đi, bỏ Diệu dung ở lại bên bờ này, Diệu dung lộ hình ra khỏi nước vào trong bụi rậm ẩn nấp. Cách đó không xa có một con dã can già đang ngậm miếng thịt hôi đi dọc theo bờ sông, bỗng thấy một con cá từ dưới sông vọt lên khỏi nước nằm trên bờ, dã can liền nhả miếng thịt ra để chụp con cá, con cá lại nhảy trở xuống nước, miếng thịt lại bị con chim cắt tha mất. Bị mất cả hai miếng mồi, con dã can cụp tai buồn rầu, Diệu dung ở trong bụi rậm thấy rồi liền nói kệ:

*“Thịt bị chim Cắt tha,
Cá lại nhảy xuống sông,
Hai miếng mồi đều mất,
Buồn khổ nào ích chi”.*

Dã can nghe tiếng nhìn khắp nơi không thấy ai liền nói kệ:

*“Ta không làm trò cười,
Cũng không diễn ca múa,
Kẻ nào trong bụi cây,
Nói kệ trên chọc ta”.*

Diệu dung từ trong bụi rậm đáp: “ta là Diệu dung”, dã can liền nói kệ:

*“Người đã giết chồng cũ,
Chồng mới lấy của đi,
Người không biết đi đâu,
Núp trong bụi buồn than”.*

Diệu dung nói kệ:

*“Ta trở về nhà cũ,
Kiên trinh thờ một chồng,
Sợ tổn hại thân tộc,
Không làm việc đại nỡ”.*

Dã can nói kệ:

*“Nếu sông Hằng chảy ngược,
Lông con quạ màu trắng,
Tượng gỗ sanh Đa-la,
Người có thể chính chuyên.
Nếu quạ và chim cú,*

*Cùng sống trên một cây,
Cả hai hòa thuận nhau,
Người có thể chính chuyên.
Nếu như rắn và chuột,
Cùng sống trong một hang,
Có thể yêu mến nhau,
Người có thể chính chuyên.
Nếu như dùng lông rùa,
Dệt thành áo thượng diệu,
Để mặc ấm khi lạnh,
Người có thể chính chuyên.
Nếu như dùng chân muỗi,
Xây dựng thành lâu đài,
Kiên cố không lay chuyển,
Người có thể chính chuyên.
Nếu như dùng cọng sen,
Làm cầu cho người đi,
Voi lớn cũng qua được,
Người có thể chính chuyên.
Nếu như giữa biển lớn,
Trong nước lửa cháy to,
Mọi người đều nhìn sống,
Người có thể chính chuyên”.*

Dã can nói tiếp: “ta chỉ nói đùa như vậy thôi, ta cũng có thể giúp người trở lại vị trí cũ là làm phu nhân của vua, người sẽ đền đáp ta như thế nào?”, Diệu dung nói: “nếu được như thế thì ta sẽ cung cấp thịt tươi hằng ngày cho người không để thiếu thốn”, dã can nói: “nếu được như vậy thì người hãy nghe lời ta, trở xuống sông Hằng đến chỗ nước vừa đến cổ, chắp tay hướng về mặt trời cầu nguyện chư thiên, ta sẽ đi báo cho vua biết”. Dã can liền đi đến chỗ mà vua có thể nghe được, nói to lên rằng: “Diệu dung đang ngâm mình trong sông Hằng để tẩy tâm tu luyện, hãy mau gọi trở về hậu cung”, vua nghe được tiếng dã can liền bảo đại thần: “khanh hãy đi đến bờ sông Hằng, ta nghe nói Diệu dung đang ở đó cần khổ tu tâm, hãy mau đưa về đây cho ta gặp”, đại thần đến nơi thấy Diệu dung rồi liền đem y phục và chuỗi anh lạc trang sức cho Diệu dung rồi đưa về cung, vua gặp lại rất vui mừng liền phong cho làm phu nhân như cũ. Hằng ngày cô đem thức ăn ngon cung cấp cho dã can, được một thời gian thì ngưng, dã can liền đi đến gần hậu cung nói

to lên: “này Diệu dung, nếu người không tiếp tục cung cấp thịt ngon cho ta, ta sẽ làm cho vua đánh người như tử không khác gì ngày trước”, Diệu dung nghe rồi rất sợ hãi liền cung cấp thịt cho dã can như cũ.

Phật bảo các Bí-sô: “Diệu dung thuở xưa nay chính là Bí-sô ni Ôn-bát-la, Túc tật chính là Bí-sô Ô-đà-di, thuở xưa nghe mùi hương của hoa Khứ y liền biết là Diệu dung, nay nghe mùi hương Ôn-bát-la liền biết là Bí-sô ni ấy. Tất cả sự việc đều do tập nghiệp liên kết làm nhân duyên cho nhau”. Đại chúng nghe Phật nói rồi hoan hỉ phụng hành.

5. Niếp tụng thứ năm trong Biệt môn thứ sáu:

*Tám kính pháp độ ni,
Ni muốn theo thứ bậc,
Việc hai bộ khác nhau,
Không độ ni hoàn tục.*

Phật tại thành Kiếp-tỷ-la trong vườn cây đa căn, lúc đó Đại thế chủ và năm trăm Thích nữ đến chỗ Phật đánh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho tất cả được lợi hỉ rồi liền im lặng. Đại thế chủ liền đứng dậy chấp tay bạch Phật: “Thế tôn, nếu có người nữ xuất gia trong Phật pháp, thọ Cận viên thành tựu tánh Bí-sô ni, kiên trì phạm hạnh thì có được chứng quả Sa môn thứ tư hay không?”, Phật nói: “này Đại thế chủ, bà nên sống tại gia mặc y phục trắng, tu phạm hạnh thuần nhất viên mãn, thanh tịnh vô nhiễm. Như thế cũng được thường an lạc lợi hỉ”, Đại thế chủ thưa thỉnh ba lần, Phật đều không chấp thuận nên đánh lễ Phật rồi đi ra. Sau đó Phật đắp y mang bát từ thành Kiếp-tỷ-la đi đến làng Phiến vi, Đại thế chủ và năm trăm Thích nữ tự cạo tóc, mặc y Tăng già chi màu đỏ sẫm đi theo sau Phật chỉ cách có một đêm. Sau đó Phật đến trụ trong rừng Tương tư, Đại thế chủ lợi bộ mệt nhọc, toàn thân đầy bụi bậm đến chỗ Phật đánh lễ ngồi một bên, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho bà được lợi hỉ rồi liền im lặng. Đại thế chủ đứng dậy chấp tay bạch Phật: “Thế tôn, nếu có người nữ xuất gia trong Phật pháp, thọ Cận viên thành tựu tánh Bí-sô ni, kiên trì phạm hạnh thì có được chứng quả Sa môn thứ tư hay không?”, Phật nói: “này Đại thế chủ, bà chỉ cần cạo tóc, đắp y man điều cho đến trọn đời, kiên trì tu phạm hạnh thuần nhất viên mãn, thanh tịnh vô nhiễm. Như thế cũng được thường an lạc lợi hỉ”, Đại thế chủ thưa thỉnh ba lần, Phật đều không chấp thuận nên bà ra đứng ngoài cửa khóc. Cụ thọ A-nan thấy liền hỏi rõ nguyên do rồi nói: “này Cù đàm di, bà hãy đứng ở đây đợi tôi bạch Phật”, A-nan liền đến chỗ Phật đánh lễ rồi bạch Phật: “Thế tôn, nếu có người nữ xuất gia trong Phật pháp, thọ Cận

viên thành tựu tánh Bí-sô ni, kiên trì phạm hạnh thì có được chứng quả Sa môn thứ tư hay không?”, Phật nói được, A-nan liền nói: “nếu vậy xin Thế tôn cho người nữ được xuất gia”, Phật nói: “này A-nan, thầy không nên xin cho người nữ được xuất gia trong pháp luật thiện thuyết của ta, thọ Cận viên, thành tựu tánh Bí-sô ni. Vì sao, vì nếu cho người nữ xuất gia thì chánh pháp sẽ không trụ lâu, ví như nhà nào có ít con trai, nhiều con gái thì nhà ấy sẽ bị kẻ ác phá hoại. Lại nữa, ví như nhà làm ruộng, ruộng lúa vừa chín liền bị gió sương, mưa đá làm hư hại; ví như ruộng mía đúng lúc thu hoạch thì lóng mía mắc phải bệnh đốm nên bị hư hại; cũng như vậy, nếu cho người nữ xuất gia, chánh pháp sẽ mau diệt tận, không được trụ lâu”, A-nan bạch Phật: “Đại thế chủ có ân lớn đối với Thế tôn, khi Phật mẫu qua đời, bà đã nuôi dưỡng Thế tôn đến lớn, lẽ nào Thế tôn không từ bi nhiếp thọ hay sao?”, Phật nói: “di mẫu đối với ta có ân nhưng ta cũng đã báo ân rồi. Nhờ ta nên di mẫu biết đến Tam bảo, quy y Phật pháp tăng và thọ trì năm học xứ, đối với bốn Thánh đế không còn nghi hoặc, chứng được quả Dự lưu, sẽ không còn khổ nữa và sẽ chứng Vô sanh. Ân như thế mới khó báo đền, không thể đem y thực so sánh được. Nếu thầy xin cho người nữ xuất gia thành Bí-sô ni thì ta sẽ chế định tám kính pháp phải trọn đời thọ trì không được trái. Tám pháp này ví như người làm ruộng vào cuối mùa hạ đầu mùa thu, ở ngay bờ sông đắp đê chắc chắn không cho nước chảy tràn, để tưới ruộng lúa cho tùy chỗ được sung túc. Tám kính pháp gồm có:

1. Bí-sô ni phải theo Bí-sô cầu xuất gia thọ Cận viên, thành tựu tánh Bí-sô ni. Bí-sô ni phải trọn đời thọ trì kính pháp này không được trái.

2. Bí-sô ni phải mỗi nửa tháng theo Bí-sô cầu giáo thọ. Bí-sô ni phải trọn đời thọ trì kính pháp này không được trái.

3. Bí-sô ni không được an cư ở chỗ không có Bí-sô. Bí-sô ni phải trọn đời thọ trì kính pháp này không được trái.

4. Bí-sô ni không được cật vấn và cho Bí-sô ức niệm về những lỗi lầm đã có như hủy giới, kiến, oai nghi và chánh mạng. Nếu Bí-sô ni thấy Bí-sô có chỗ hủy phạm về giới, kiến, oai nghi và chánh mạng thì không được cật vấn, chê trách; nhưng Bí-sô thấy Bí-sô ni có chỗ hủy phạm thì được cật vấn, chê trách. Bí-sô ni phải trọn đời thọ trì kính pháp này không được trái.

5. Bí-sô ni không được tức giận chê trách, chửi mắng Bí-sô, nhưng Bí-sô được tức giận chê trách Bí-sô ni. Bí-sô ni phải trọn đời thọ trì kính pháp này không được trái.

6. Bí-sô ni tuy đã thọ Cận viên được một rằm tuổi hạ, nếu thấy Bí- sô mới thọ Cận viên cũng phải tôn trọng chấp tay nghinh đón cung kính làm lễ. Bí-sô ni phải trọn đời thọ trì kinh pháp này không được trái.

7. Bí-sô ni nào phạm pháp Chúng giáo (Tăng tàn) thì phải ở trong hai bộ chúng hành pháp Ma na đỏa trong nửa tháng. Bí-sô ni phải trọn đời thọ trì kinh pháp này không được trái.

8. Bí-sô ni sau ba tháng hạ an cư phải ở trong hai bộ chúng nói ba việc thấy nghe nghi để tác pháp Tùy ý. Bí-sô ni phải trọn đời thọ trì kinh pháp này không được trái.

